

Thăng Long

nhìn từ Tây Đô

TS. PHẠM VĂN ĐẤU*

Thăng Long - Đông Đô là nơi "lắng hồn núi sông", hội tụ nhân tài đất Việt... để làm nên vùng đất "ngàn năm văn hiến". Nghiên cứu văn hoá Thăng Long đã có cái nhìn nội tại và- thiết tưởng - cần thêm những cái nhìn từ tứ trấn. Từ Tây Đô, người viết hy vọng có được một hướng tiếp cận phù hợp, góp phần soi tỏ bức tranh đa diện về đất kinh kỳ.

Từ sơn thần Đông Cổ đến thần linh Thăng Long và hội thể Đông Cổ

Vương triều Lý, trong quá trình xây dựng Thăng Long, đã "cung thỉnh" các vị thần thiêng khắp tứ trấn về phụng thờ để kinh đô thêm chất "địa linh". Đền Bồ Cái Đại vương được dựng ở Quảng Bá, Kim Mã; đền thờ Hai Bà Trưng xuất hiện tại Đông Nhân; đền Sóc Thiên vương có mặt ở Xuân La... Trong số các thần linh được cung thỉnh, có Đông Cổ sơn thần xứ Thanh.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* cho biết: "Tĩnh Thanh Hoá có đền Đông Cổ sơn thần (...). Trong đền có cái trống đồng được chế tạo từ thời Hùng Vương"¹. Đền được tạo dựng trong thung lũng Tam Thai- một ngọn núi thiêng giữa châu thổ sông Mã.

Tài liệu khảo cổ học đã khẳng định: đền thờ thần Đông Cổ được xây dựng trên phần đất một di tích thuộc văn hoá Đông Sơn. Đây là vị thần được tôn thờ sớm ở khu vực sông Mã. Trong

tâm thức văn hoá dân gian vùng địa linh này, thần Đông Cổ đã nhiều lần linh ứng phù trợ các vị Hoàng đế trong những chuyến tuần du hoặc đem quân chinh phạt giặc. Trải qua nhiều biến thiên của lịch sử, đền Đông Cổ xưa không còn, song di tích cũ đã được khôi phục.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng cho biết: vua Lý Thái Tổ trong một lần đi đánh giặc phương Nam, được thần Đông Cổ linh ứng theo giúp nên thắng trận. Thần Đông Cổ còn hiển linh báo mộng giúp Lý Thái Tổ biết để dẹp loạn Tam vương; vì vậy, nhà vua đã cho rước thần về lập miếu thờ bên bờ sông Tô Lịch thuộc địa phận làng Bưởi, phường Yên Thái.

Cùng với việc cung thỉnh thần Đông Cổ về Thăng Long lập miếu thờ, vương triều Lý còn tổ chức minh thệ tại đền Đông Cổ ở kinh thành vào ngày 25 tháng 3 hàng năm (về sau, do tháng 3 có ngày quốc kỵ nên chuyển sang mồng 4 tháng 4).

Lễ minh thệ tại miếu thờ thần Đông Cổ được tổ chức trọng thể, trang nghiêm- vua tôi cung kính cùng đọc lời thệ: làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần giết chết.

Từ thời Lý, minh thệ trở thành quốc lễ, các vương triều sau đều duy trì, tuy có thay đổi ít nhiều.

Trong không gian văn hoá tâm linh của đất Thăng Long, xuất hiện nhiều ngôi đền "trấn giữ" các phương: đền Bạch Mã (Hàng Buồm) trấn

* ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC THANH HÓA

giữ phía Đông; đền Linh Lang (Thủ Lệ) trấn giữ phía Tây; đền Quán Thánh (Trần Vũ quán), án ngữ phía Bắc; đền Cao Sơn (Kim Liên), trấn giữ phía Nam. Trong hệ thống hàng trăm vị thần ở đất kinh kỳ, Đổng Cổ sơn thần đã sớm khẳng định vị thế đối với các vương triều và trong tâm thức người dân "Kẻ chợ".

Ái Châu- Thanh Hoá với Đại La- Thăng Long- Đông Kinh

Trong dòng chảy lịch sử, Thăng Long "ngàn năm văn hiến" có sự tham góp của người hiền tài bốn phương tụ hội, trong đó có những con người của đất Ái Châu- Tây Kinh- Thanh Hoá đã có đóng góp quan trọng với Thăng Long trong nhiều thời điểm.

Cổ giáo sư Sử học Trần Quốc Vượng đã có cơ sở khoa học để nhận định rằng: lịch sử Việt Nam và lịch sử Hà Nội phải đề cao công nghiệp phục hồi và tiếp nối quyền tự trị của Dương Đình Nghệ, người Ái Châu: phát quân từ Ái Châu ra Giao Châu, đánh đuổi Lý Tiến - Thứ sử Giao Châu năm 931. Đánh tan quân tiếp viện do Trình Bảo chỉ huy ở phía ngoài thành Đại La, họ Dương đã quản lý thành trong 6 năm (931-937) với tư cách là kinh đô tự trị của người Việt sau nghìn năm Bắc thuộc. Ba triều: Ngô- Đinh- Tiền Lê (thế kỷ X) đều lấy con gái họ Dương làm Hoàng hậu. Sáu năm trấn giữ thành Đại La, họ Dương góp phần đáng kể tạo dựng vị thế của Đại La thành- chốn bốn phương tụ hội, để hơn năm thập niên sau, Lý Công Uẩn chọn nơi này làm "đô thành bậc nhất của đế vương muôn đời". Như vậy, có thể xem người anh hùng đất Ái Châu- Dương Đình Nghệ là một trong những người đã xây dựng, phát triển thành Đại La, giai đoạn "tiền kinh đô". Sinh thời, cũng Giáo sư Trần đã đề nghị: "Bảo tàng Thăng Long nên có ảnh chụp quê hương và đền thờ họ Dương ở Thanh Hoá (làng Giàng); gia phả họ Dương; bản đồ họ Dương tiến quân từ Ái Châu ra Đại La và kháng chiến ở Đại La"³.

Nếu như Dương Đình Nghệ đã đặt nền móng để Lý Công Uẩn định đô thì vương triều Hậu Lê đã có công phục hưng Thăng Long- Đông Quan (Đông Kinh) sau nhiều biến động của lịch sử.

Dấu "Thăng Long ngàn năm phi chiến địa"

thì sau cuộc thiên đô của Hồ Quý Ly và tiếp đó, bị giặc Minh chiếm đóng hơn 20 năm (1407-1428), đã hoang tàn đổ nát, nhiều biến động. Vương triều Lê sơ thiết lập trong ánh hào quang của sự nghiệp bình Ngô, đóng góp lớn vào việc phục hưng Thăng Long- Đông Quan khi "bốn phương biển cả thanh bình". Chẳng phải chính Lê Thái Tổ- người anh hùng giữa hai huyền thoại nhận gươm thiêng rồi trả lại rùa thần đã tạo nên sức sống và chiều sâu văn hóa cho đất kinh kỳ sao?

Cùng với công cuộc xây dựng, kiến thiết một vương triều mới, nhà Hậu Lê đã chú trọng việc xây dựng và phát triển Đông Đô. Nhiều công trình lớn như: điện Vạn Thọ, điện Kính Thiên, Cẩn Chánh, Quốc Tử giám... được xây dựng, tu sửa lại.

Bên cạnh một đế đô bề thế, triều Lê sơ còn xây dựng trên đất tổ quê cha một khu điện miếu, lăng tẩm đáng giá (Lam Kinh- Thanh Hóa). Hệ thống các cung điện, lăng tẩm này từng bước "biến" Lam Kinh thành Tây Kinh (trong sự đối sánh với Thăng Long- Đông Kinh), hẳn là "chứng cứ" quan trọng đối với việc nghiên cứu các công trình kiến trúc thời Lê ở khu Hoàng thành Thăng Long.

Việc phục hưng và phát triển Đông Kinh (Thăng Long), trong khoảng thời gian "Mấy trăm năm thấp thoáng mộng bình yên"- khi tư tưởng Nho giáo từng bước thay thế Phật giáo- làm thay đổi nhiều nền tảng văn hóa tinh thần nơi đây. Quốc Tử Giám- Văn Miếu, với hệ thống khoa cử, bia Tiến sỹ được tạo dựng thời Lê, là những dấu ấn không thể phai mờ.

Dòng chảy của văn hoá Thăng Long đã tạo nên nhiều lớp văn hoá. Lớp văn hoá Lê sơ- Lê Trịnh- Lê Mạc trong gần 400 năm có thể xem như trầm tích văn hoá Thăng Long giai đoạn cuối, trước khi thành Phú Xuân (Huế) được nhà Nguyễn chọn làm kinh đô mới.

Thành Thăng Long nhìn từ thành Tây Đô

Thăng Long ngàn năm lịch sử, nhưng "Nghìn năm dinh thự thành đường cái"- (Nguyễn Du). Quá trình nghiên cứu, khôi phục các công trình xưa gặp nhiều khó khăn. Những phát hiện mới khảo cổ học về hoàng thành Thăng Long đã bước đầu định vị được một số

"nền cũ", xác định được nhiều lớp văn hoá và cũng cho thấy công việc không hề đơn giản.

Theo cách nhìn đồng đại, có thể tham khảo thành Thăng Long thời Trần với thành nhà Hồ-kinh đô giai đoạn văn Trần.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết: "Năm Đinh Sửu (1397), mùa xuân, tháng Giêng, Lại bộ Thượng thư kiêm Thái sư Đỗ Tĩnh vâng lệnh vua đem người vào động An Tôn, huyện Vĩnh Ninh, trấn Thanh Hoá xem xét, đo đạc đất đai, đào hào, lập nhà tông miếu, dựng đàn Xã Tắc, xây dựng cung điện, mở đường phố... tháng 3 thì công việc hoàn tất"⁵.

Đại Việt sử ký toàn thư cũng cho biết thêm: "Mùa đông, tháng 11 (1397), Hồ Quý Ly bức vua dời đô đến phủ Thanh Hoá. Hồ Quý Ly đã sai "rõ các cung điện Thụy Chương, Đại An, bao nhiêu gạch, ngói, gỗ to đều giao cho các châu Từ Liêm và Nam Sách chở về kinh đô mới"⁶.

Quốc sử quán triều Nguyễn, trong *Đại Nam nhất thống chí* "cung cấp" thông tin kỹ hơn: Thành nhà Hồ, sử chép là thành cũ của Hồ Quý Ly, cũng gọi là thành Tây Đô, ở các xã Tây Giai, Xuân Giai, Phương Giai huyện Vĩnh Lộc. Bốn mặt đều xây đá xanh, mỗi mặt dài 120 trượng, cao 1 trượng, hai thước. Lại xây một con đường đá hoa từ cửa Nam suốt đến đàn Nam Giao ở Đốn Sơn phía ngoài thành. Mặt Nam xây cửa ba tầng bằng đá như cửa Châu Tước ở thành Thăng Long, còn về mặt Đông, mặt Bắc và mặt Tây đều mở một cửa xây đá; quanh các cửa đều xây nền bằng đá xanh, thành xây bằng gạch vuông, dày và rắn; dưới chân thành có hào ở ngoài. Trong thành ước hơn 300 mẫu... Tả hữu thành đều gắn núi đá; phía trước thành là sông Mã, phía ngoài thành là đất đắp làm la thành, phía tả từ tổng Cổ Biện, phía Đông có các xã Bút Sơn và Cổ Điệp theo sông Bưởi chảy về Nam đến núi Đốn Sơn... Phía hữu từ tổng Quan Hoàng, huyện Cẩm Thủy theo sông Mã chảy về Đông thẳng đến núi Yên Tôn mấy vạn trượng⁷.

Hơn 600 năm đã qua, thành Tây Đô tuy có bị tác động bởi thiên nhiên và bàn tay con người làm hư hại, nhưng vẫn còn tương đối nguyên vẹn. Đây là nguồn tư liệu quý cho việc

nghiên cứu thành cổ Việt Nam, nhất là mối liên hệ giữa thành Thăng Long và Tây Đô.

Khác với kinh thành Thăng Long, thành Tây Đô được xây dựng trong một thời gian ngắn và cũng nhanh chóng chấm dứt vai trò lịch sử của nó (1397- 1407). Mặc dù các kiến trúc khu Hoàng thành (Tây Đô) không còn, nhưng toà thành đồ sộ cùng với nền móng kiến trúc của các cung điện và quần thể kiến trúc Hoàng thành vẫn "trơ gan cùng tuế nguyệt". Các cuộc điều tra, thám sát tại khu nội thành trong những năm gần đây đã cho thấy có thể khôi phục diện mạo của kiến trúc Hoàng thành Tây Đô.

Thành Tây Đô là "tác phẩm" của thời văn Trần, mang đậm dấu ấn văn hoá Thăng Long. Người thiết kế và chỉ đạo thi công là quan đầu triều- từng nhiều năm gắn bó với khu Hoàng thành Thăng Long, nên thành Tây Đô nếu không mang "phong cách kiến trúc" thì- rất có thể- cũng là phiên bản của thành Thăng Long. Qua các nguồn tư liệu từ các bộ sử cũ như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Nam nhất thống chí*... có thể nhận thấy: Cửa Nam thành Tây Đô "Như cửa Châu Tước ở thành Thăng Long", "Cung điện Thụy Chương, Đại An" ở thành Thăng Long cũng được tháo dỡ đem về xây dựng lại ở kinh đô mới- Tây Đô. Trên nhiều phương diện, dấu ấn kiến trúc Thăng Long đã định vị trong thành Tây Đô. Trong điều kiện không thể khai quật toàn bộ kinh thành Thăng Long, chúng ta vẫn có thể khai quật toàn bộ khu thành nội Tây Đô để, từ một "bản sao" (dẫu không đầy đủ), tìm hiểu về "bản chính", một hướng tiếp cận có "cơ sở" giúp nghiên cứu Hoàng thành Thăng Long./

D.V.D

Chú thích:

- 1- *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb. Thuận Hoá, 1992, tr. 256.
- 2- Trần QuốcVượng, *Hà Nội như tôi hiểu*, Nxb. Tôn giáo H. 2005, tr. 54.
- 3- Trần Quốc Vượng, *Hà Nội như tôi hiểu*, Sđd, tr. 70.
- 4- *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản dịch của Hoàng Văn Lâu), tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, H. 1998, tr. 298.
- 5- *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr. 190.
- 6- *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr. 193.
- 7- *Đại Nam nhất thống chí*, Sđd, tr. 269.